

BÁO CÁO

**Sơ kết 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình tổng thể
cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, đề xuất nhiệm vụ,
giải pháp trọng tâm đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030
của Ủy ban nhân dân phường Phổ Hòa**

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Sau khi UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 – 2025; UBND thị xã Đức Phổ ban hành Quyết định số 14147/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND thị xã Đức Phổ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp huyện giai đoạn 2021 – 2025; UBND phường Phổ Hòa ban hành Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 Ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính Phường Phổ Hòa giai đoạn 2021-2025.

UBND phường đã tập trung chỉ đạo triển khai phổ biến, quán triệt nội dung Chương trình tổng thể và chỉ đạo việc xây dựng các kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể của Chính phủ đến từng cán bộ, công chức, đảng viên và quần chúng nhân dân. Thông qua đó, đã nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và quần chúng nhân dân về quan điểm, mục tiêu, vai trò, sự cần thiết phải thực hiện cải cách hành chính và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2021- 2030.

Công tác chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính của phường tập trung vào việc ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc triển khai công tác cải cách hành chính. Từ năm 2021 đến nay, UBND phường đã ban hành 40 văn bản, trong đó, có 15 quyết định, 25 kế hoạch về các nội dung liên quan đến chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính như: Quy định về trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính, quy định về mức chi trong công tác cải cách hành chính và trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; quy định về khen thưởng thành tích trong công tác cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn phường Phổ Hòa; đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách chế độ công vụ công chức.

Triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm bằng việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính, kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính hàng năm của UBND phường. Chương trình, kế hoạch thực hiện cải cách hành chính gắn với những nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp triển khai cải cách hành chính phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và bám sát với kế hoạch cải cách hành chính của thị xã.

Trong quá trình thực hiện, Đảng ủy và UBND phường đã ban hành các Quyết định thành lập, kiện toàn và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính, Ban Chỉ đạo cải cách chế độ công vụ, công chức của phường phù hợp với từng thời kỳ; phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên Ban chỉ đạo trong thực hiện công tác cải cách hành chính.

Từ năm 2021 đến nay, công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của phường đã được tiến hành và thường xuyên đổi mới, hoàn thiện thông qua việc xác định chỉ số cải cách hành chính và khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan nhà nước bằng các tiêu chí cụ thể, sát với yêu cầu nhiệm vụ cải cách hành chính của từng năm, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch. Từ đó, giúp các công chức chuyên môn của phường nhìn nhận thực chất kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính và nhận thức sâu sắc hơn về những mong muốn của người dân, tổ chức và doanh nghiệp, kịp thời có giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém, nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Từ năm 2021 đến nay, có 02 mô hình, sáng kiến trong cải cách hành chính đã được triển khai áp dụng trên địa bàn phường. Từ năm 2021 đến nay, hàng năm phường đều tổ chức khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, công dân đối với các TTHC trên địa bàn phường. Hàng năm, UBND phường Phổ Hòa đều được Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ khen thưởng đạt kết quả trong công tác CCHC.

2. Kiểm tra việc thực hiện

Công tác kiểm tra, giám sát về cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên hàng năm gắn với kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, công tác “Dân vận chính quyền” và kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Hàng năm, UBND phường ban hành Kế hoạch kiểm tra của Tổ kiểm tra việc chấp hành KLKC hành chính phường Phổ Hòa (Tổ 48); Qua kiểm tra, không có cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật kỷ cương hành chính. Kế hoạch kiểm tra nội bộ việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả phường Phổ Hòa; Qua kiểm tra, thực hiện nghiêm túc các quy định của Chính phủ, của tỉnh, của UBND thị xã về thực hiện cơ chế một cửa tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả phường, đặc biệt là việc thực hiện các quy định về mẫu phiếu, sổ theo dõi, kịp thời kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định, ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

3. Thông tin, tuyên truyền

- Công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính được phường quan tâm thực hiện ngay từ khi triển khai các giai đoạn thực hiện Chương trình tổng thể, Ủy ban nhân dân phường đã ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính (giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030). Hàng năm, Ủy ban nhân dân phường đều xây dựng kế hoạch thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính.

- Công tác thông tin, tuyên truyền được thực hiện trên cơ sở phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội phường, công tác tuyên truyền về cải cách hành chính được thực hiện bằng nhiều hình thức và nội dung phong phú, đa dạng như:

Kết hợp tuyên truyền thông qua đài Truyền thanh, Trang thông tin điện tử của phường với mạng xã hội (Zalo, Facebook) để nhanh chóng truyền tải rộng rãi thông tin đến quần chúng, Nhân dân về những nỗ lực, cố gắng và kết quả, thành tựu đạt được trong công tác cải cách hành chính của địa phương.

Tuyên truyền về các mô hình hay, sáng tạo trong công tác cải cách hành chính của địa phương; UBND phường tổ chức đối thoại với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân về giải quyết TTHC...

Thông qua công tác tuyên truyền, đã nâng cao nhận thức, hiểu biết của cán bộ, công chức, doanh nghiệp và quần chúng nhân dân về pháp luật, các nội dung, kết quả của cải cách hành chính. Đồng thời tạo khí thế phấn khởi, say mê thực hiện cải cách hành chính của cán bộ, công chức và người dân có điều kiện giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước.

4. Đánh giá chung về công tác triển khai

a) Mặt tích cực đạt được

Nhận thức của cán bộ, công chức, đảng viên và quần chúng nhân dân về vai trò, sự cần thiết, quan điểm, mục tiêu, nội dung và các phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cải cách hành chính được nâng lên một bước rõ nét. Bước đầu huy động được các tổ chức thuộc hệ thống chính trị tham gia công tác cải cách hành chính. Chương trình cải cách hành chính luôn là nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo, điều hành từng quý, từng năm gắn với việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện cải cách hành chính đã trở thành nhiệm vụ thường xuyên của cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể đã phát huy những mặt tích cực, chỉ ra những mặt hạn chế, góp phần đẩy mạnh công tác cải cách hành chính của địa phương.

b) Tồn tại, hạn chế

Tuy nhiên, bên cạnh những cố gắng tích cực, tồn tại một số hạn chế như:

Việc thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính chưa thật sự tạo ra sức lan tỏa tới người dân, doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng xã hội nhận thức về cải cách hành chính, kết quả tác động của cải cách hành chính.

Việc nhân rộng những mô hình, sáng kiến, cách làm hay về cải cách hành chính còn hạn chế.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

1. Cải cách thể chế

1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Về tình hình triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm của tỉnh trên cơ sở Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật cán bộ, công chức, viên chức và Hiến pháp (trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa).

Trên cơ sở Nghị quyết 76/NQ-CP, UBND phường đã ban hành nhiều văn bản thực hiện các nhiệm vụ về CCHC phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương; Từ năm 2021 đến nay, HĐND và UBND phường đã ban hành theo thẩm quyền 01 văn bản QPPL trên lĩnh vực..., cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Quy trình xây dựng và thông qua các văn bản quy phạm pháp luật của phường đã có nhiều đổi mới nhằm làm rõ trách nhiệm giữa cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp gắn với việc triển khai lấy ý kiến các ban, ngành, đoàn thể đóng góp cho các văn bản dự kiến sẽ ban hành. Bên cạnh đó, với hàng loạt các biện pháp được quy định cụ thể và thực hiện nghiêm túc, việc hướng dẫn thi hành văn bản của trung ương được tiến hành kịp thời hơn, nâng cao hiệu lực thực tế của hệ thống văn bản QPPL.

b) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật: Việc tuân thủ quy trình xây dựng pháp luật và đổi mới, hoàn thiện quy trình lập pháp, lập quy; công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

- Công tác rà soát các văn bản QPPL hàng năm được triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, quy định.

c) Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật: Công tác tổ chức thi hành pháp luật; năng lực phản ứng chính sách; công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thi hành pháp luật; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

Để góp phần xây dựng thành công Nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật đến cán bộ, công chức và người dân luôn đặt lên hàng đầu. Để làm tốt công tác này, HĐND, UBND đã chỉ đạo đến các công chức chuyên môn bằng nhiều phương pháp, hình thức có trách nhiệm triển khai thực hiện rộng khắp các quy định pháp luật của Trung Ương đến mọi đối tượng để thực hiện. Bên cạnh đó, chỉ đạo các công chức chuyên môn tích cực tham mưu cho HĐND, UBND quy định, hướng dẫn và cụ thể hóa những vấn đề phân cấp cho địa phương quản lý. Qua thực hiện nhiệm vụ triển khai, hướng dẫn thi hành pháp luật, từ năm 2021 đến nay, các

văn bản của Trung ương và văn bản do HĐND và UBND tỉnh, thị xã ban hành đều được đảm bảo triển khai thực hiện thống nhất. Trong quá trình tổ chức thực hiện, công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật đã được hầu hết các ban, ngành, đoàn thể quan tâm, qua đó kịp thời thu thập thông tin về những tồn tại, hạn chế trong các quy định pháp luật để đề xuất, kiến nghị xử lý kịp thời.

Trong 05 năm qua, UBND phường ban hành 05 văn bản để triển khai thực hiện công tác TDTHPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành. Qua đó, tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện các quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP của Chính phủ, bảo đảm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được thực hiện thường xuyên, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm gắn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan và công tác CCHC. Bên cạnh đó, nhằm thực hiện tốt công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, đã triển khai và tổ chức thực hiện đúng theo Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022; Quyết định số 93/QĐ-BTP ngày 24/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Bộ Tư pháp năm 2022.

1.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Việc ban hành một số văn bản QPPL của địa phương chất lượng văn bản hạn chế. Các hình thức theo dõi, thi hành pháp luật còn đơn điệu, chủ yếu căn cứ trên báo cáo của các cơ quan, trong khi việc tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật chưa thường xuyên, chậm được thực hiện.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Kết quả đạt được

a) Cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành.

Trong thời gian qua, công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh, tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước; hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC đã đề ra trong kế hoạch hàng năm; thường xuyên theo dõi, đánh giá, quán triệt việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC, kịp thời phát hiện và chỉ đạo xử lý những hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai. Thực hiện thường xuyên việc chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết nhiệm vụ chuyên môn. Thực hiện có hiệu quả chương trình CCHC gắn liền với việc xây dựng chính quyền điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, 4 trong các lĩnh vực. Thường xuyên rà soát, cập nhật, niêm yết công khai TTHC theo quy định; nâng cao chất lượng giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của phường thông qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông; hạn chế đến mức thấp nhất hồ sơ trễ hạn, phải xin lỗi. Bố trí cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ổn định, đúng chuyên môn, chức năng nhiệm vụ; tiếp tục triển khai việc rà soát, cải cách thủ tục hành chính trên

các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, tư pháp, hộ tịch... để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

b) Về kiểm soát thủ tục hành chính

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo các quy định của Chính phủ

Hàng năm, UBND phường ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, tổ chức rà soát thủ tục hành chính thường xuyên theo quy định của pháp luật, các hoạt động rà soát, đánh giá thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên, có trọng tâm; bảo đảm một thủ tục hành chính được thực hiện là cần thiết, hợp lý, hợp pháp, với chi phí thực hiện thấp nhất, lợi ích đạt được cao nhất.

- Việc đối thoại, tổ chức lấy ý kiến và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính.

Chủ tịch UBND tổ chức 9 buổi tiếp công dân lưu động và đối thoại việc giải quyết Thủ tục hành chính và thái độ phục vụ của cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận một cửa ở các TDP trên địa bàn phường. Qua đối thoại, có 47 ý kiến liên quan đến công tác quản lý đất đai, giao thông nội đồng, vệ sinh môi trường...; có 05 ý kiến biểu dương thái độ phục vụ và giải quyết TTHC của cán bộ, công chức tận tình, hỗ trợ công dân, tổ chức trong việc lập tài khoản DVC, kích hoạt tài khoản định danh điện tử, nộp hồ sơ và nộp phí lệ phí trực tuyến.

c) Công khai thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ. Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng dịch vụ công của tỉnh và khai thác, sử dụng Cổng dịch vụ công quốc gia

- Về công khai danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả phường được thực hiện trên Trang thông tin điện tử phường và tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả phường.

- Sử dụng đúng các biểu mẫu được quy định: tại Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh về việc Quy định sử dụng biểu mẫu trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

d) Việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có liên quan đến thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông:

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

+ Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: hiện nay đã thực hiện ký số trên hệ thống office các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, các báo cáo, kế hoạch, Tờ trình, Quyết định, Công văn... đạt 100%. Tỷ lệ hồ sơ số hóa TTHC đạt 100%; Tỷ lệ số hóa kết quả TTHC đạt 99,14%.

+ Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC: 15/12/2023 đến ngày 14/12/2024, UBND phường đã giải quyết 1.170 hồ sơ; hồ sơ giải quyết trước hạn: 1.168/1.170 đạt 99,82%. Quá hạn: 02 hồ sơ (lý do: hồ sơ liên thông khai sinh bị trục trặc do mã số định danh của Bộ Công an không cung cấp kịp thời)

- Tình hình, kết quả thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: không có.

- Kết quả thực hiện giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính:

Không phân biệt địa bàn, địa giới hành chính, bất kỳ người dân, doanh nghiệp các xã, phường bạn muốn giải quyết thủ tục hành chính tại UBND phường Phổ Hòa đều được tiếp nhận. Trong giai đoạn từ năm 2021 – 2025, UBND phường Phổ Hòa đã tiếp nhận và giải quyết trước hạn 429 hồ sơ.

- Kết quả thực hiện lấy ý kiến đánh giá của người dân, tổ chức khi giải quyết TTHC; kết quả về mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về giải quyết TTHC.

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: Thực hiện việc lấy ý kiến khảo sát sự hài lòng của nhân dân theo văn bản chỉ đạo của cấp trên. UBND phường đã tiếp nhận và giải quyết 5506/5506 hồ sơ, tiến hành lấy phiếu khảo sát 15% trên tổng số TTHC giải quyết là 855 phiếu.

* Trong đó:

Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đạt 100%; Hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đạt 100%.

- Tình hình triển khai thực hiện số hóa kết quả và hồ sơ giải quyết TTHC; kết quả khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần là: 2858 hồ sơ. Thực hiện lưu số hóa hồ sơ trong đó: Tỷ lệ hồ sơ có số hóa đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận đạt 51,14%; Số hóa kết quả giải quyết TTHC đạt 42,55%.

e) Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân về giải quyết thủ tục hành chính.

Mở rộng các hình thức tiếp nhận phản ánh kiến nghị của công dân về TTHC và quy định hành chính, như qua ứng dụng Zalo, Trang TTĐT của phường, sổ tiếp nhận ý kiến phản ánh kiến nghị tại bộ phận “một cửa”; tổ chức hội nghị đối thoại về TTHC, phát phiếu khảo sát lấy ý kiến Nhân dân tại tổ dân phố.

Trong 5 năm qua, không có phản ánh kiến nghị không hài lòng của tổ chức, công dân liên quan đến TTHC.

g) Công tác truyền thông và sáng kiến, mô hình, giải pháp cải cách thủ tục hành chính.

Nhằm đảm bảo thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng và Nhà nước về cải cách thủ tục hành chính, trong 05 năm qua, UBND phường đã triển khai các Kế hoạch về tuyên truyền công tác CCHC; Kế hoạch truyền thông về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử trên địa bàn phường Phổ Hòa; Kế hoạch truyền thông về hoạt động KSTTHC trên địa bàn phường Phổ Hòa, tổ

chức triển khai quán triệt và chỉ đạo thực hiện nội dung các văn bản hướng dẫn về cải cách thủ tục hành chính cho cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn phường.

2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Nhìn chung việc vận hành phần mềm nội bộ được thông suốt, từng bước cán bộ công chức đã đáp ứng được yêu cầu về giải quyết TTHC, những năm gần đây UBND phường Phổ Hòa luôn được đánh giá là 1 trong 3 xã, phường có chỉ số CCHC đứng top đầu.

Tuy nhiên, số hồ sơ tái sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa còn thấp; một bộ phận người dân còn hạn chế trong việc sử dụng công nghệ thông tin, thiết bị máy tính, internet, việc nộp hồ sơ dịch vụ công phụ thuộc vào cán bộ, công chức, nhiều công dân không có điện thoại thông minh, máy tính.

Việc tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, nhất là hồ sơ về đất đai vẫn còn đạt tỉ lệ thấp, chưa đáp ứng yêu cầu đề ra.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân (UBND), cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện

Thực hiện Chỉ đạo của Chính phủ, cơ quan cấp trên, UBND phường ngưng thực hiện việc xét tuyển đối với người hoạt động không chuyên trách. Tiếp tục chỉ đạo việc hoàn thiện Quy chế làm việc của UBND theo hướng đề cao trách nhiệm người đứng đầu và từng thành viên UBND trong toàn bộ hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND. Coi trọng việc đối thoại với nhân dân và trả lời các chất vấn trong các kỳ họp HĐND các cấp. Tăng cường sự chỉ đạo, quản lý của UBND đối với các cơ quan chuyên môn trực thuộc bằng việc phân công các thành viên UBND trực tiếp chỉ đạo và thực hiện chức năng quản lý ngành, lĩnh vực, bảo đảm tính thống nhất trong quản lý nhà nước của các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

b) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương (thực hiện báo cáo theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước của địa phương và sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ).

Về tổ chức của HĐND phường

Thời gian qua, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân phường được quan tâm triển khai thực hiện bảo đảm đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, thể hiện được vai trò cơ quan quyền lực nhà nước tại địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân.

Đa số đại biểu HĐND đều thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, luôn giữ mối liên hệ với cử tri, nắm bắt ý kiến, kiến nghị của cử tri; các đại biểu nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của HĐND phường bảo đảm theo Luật định: Thường trực Hội đồng nhân dân phường gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách. Hội đồng nhân dân phường thành lập Ban pháp chế, Ban kinh tế - xã hội. Ban của Hội đồng nhân dân phường gồm có Trưởng ban, một Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Số lượng Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân phường là 05 người, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của các Ban của Hội đồng nhân dân phường hoạt động kiêm nhiệm.

Chất lượng hoạt động của HĐND phường ngày càng nâng lên. Việc ban hành nghị quyết luôn sát với tình hình của địa phương; triển khai thực hiện tốt các cuộc giám sát theo luật định và những vấn đề cử tri quan tâm. Nội dung các kỳ họp được chuẩn bị chu đáo, thực hiện tốt công tác chất vấn và trả lời chất vấn tại các kỳ họp. Các kiến nghị của cử tri được xem xét, giải quyết kịp thời, từng bước khắc phục được những mặt hạn chế trong hoạt động quản lý nhà nước của địa phương.

Về tổ chức, bộ máy của UBND phường

Về cơ cấu, tổ chức hoạt động của UBND phường được triển khai thực hiện bảo đảm đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương: Ủy ban nhân dân phường gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 01 Ủy viên phụ trách quân sự, 01 Ủy viên phụ trách công an.

UBND phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn bảo đảm theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương: Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân phường quyết định các nội dung theo quy định của pháp luật.

Thực trạng và kết quả hoạt động của UBND

Ủy ban nhân dân phường tiếp tục đổi mới và nâng cao năng lực quản lý, điều hành. Phát huy vai trò lãnh đạo của tập thể, đề cao vai trò trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND năng động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành, sâu sát cơ sở đã góp phần tích cực vào việc thực hiện đạt các chỉ tiêu, kế hoạch hàng năm của địa phương đề ra; tập thể UBND luôn có sự đoàn kết nhất trí cao trong quản lý, điều hành các hoạt động quản lý Nhà nước, từ đó nâng cao được ý thức, trách nhiệm của mỗi thành viên UBND.

Ủy ban nhân dân phường thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn theo Luật quy định như: thực hiện ngân sách địa phương; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do UBND thị xã phân cấp, ủy quyền; lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật; thực hiện các biện pháp quản lý dân cư trên địa bàn; quản lý và tổ chức sử dụng có hiệu quả công sở, tài sản, phương tiện làm việc và ngân sách Nhà nước được giao; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân; áp dụng các biện pháp để giải quyết công việc đột xuất, khẩn cấp trên địa bàn.

Hoạt động của UBND luôn được thực hiện nghiêm túc theo quy chế làm việc được xây dựng từ đầu nhiệm kỳ. Chất lượng, hiệu quả trong điều hành,

quản lý hành chính Nhà nước được nâng lên. Mối quan hệ công tác giữa UBND phường với UBND thị xã gắn kết chặt chẽ, đảm bảo tính linh hoạt trong thực thi nhiệm vụ, tạo sự chuyển biến tích cực trong giải quyết các công việc phối hợp, góp phần thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch trên địa bàn phường.

c) Về phân cấp quản lý

Công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động tiếp tục được cải cách theo hướng phân công và phân cấp rõ ràng hơn được thực hiện trên cơ sở phân định khá rõ trách nhiệm quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền của Chủ tịch UBND phường.

UBND phường đã ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ cho Chủ tịch, Phó chủ tịch, Ủy viên UBND phường, Công chức, người hoạt động không chuyên trách của khối UBND phường. Từ đó, đã phát huy vai trò tham mưu, giúp UBND phường thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, góp phần quan trọng cho bộ máy hành chính phường ngày càng hoàn thiện, hoạt động quản lý ngày càng hiệu quả.

3.2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Chất lượng đại biểu HĐND phường chưa đồng đều, chưa nắm sát và phản ánh đầy đủ tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với cơ quan có thẩm quyền, từ đó việc giải quyết những kiến nghị của cử tri có lúc còn chậm so với yêu cầu; chất lượng giám sát của HĐND phường còn hạn chế.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức

- Về cơ cấu công chức theo vị trí việc làm: UBND phường đã ban hành danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm và thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nội bộ để đảm bảo theo chức năng, nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu thực tiễn địa phương.

- Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Hằng năm, UBND phường đăng ký số lượng cán bộ, công chức có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tập huấn ngay từ đầu năm. Cán bộ, công chức tham gia học tập các lớp tập huấn, bồi dưỡng hằng năm đạt và luôn vượt chỉ tiêu trên giao.

- Việc áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Việc ứng dụng CNTT, đã tạo chuyển biến tích cực trong quản lý cán bộ, công chức, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý và đẩy mạnh CCHC và cải cách chế độ công vụ công chức của cơ quan. Việc ứng dụng CNTT giúp hình

thành kho dữ liệu về cán bộ, công chức với các thông tin đầy đủ, chính xác, cập nhật phục vụ cho việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển cán bộ, hỗ trợ cho công tác tổ chức, quản lý và phát triển nguồn nhân lực; CNTT giúp cung cấp thông tin cho công tác quản lý cán bộ một cách đầy đủ, giảm thiểu thời gian tra cứu, tìm kiếm thông tin; làm giảm thời gian, nhân lực làm các công việc hành chính đơn thuần, cắt giảm được nhiều báo cáo giấy định kỳ, thực hiện nhanh các báo cáo thống kê, đảm bảo số liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời với nhiều loại chỉ tiêu theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, góp phần giảm chi phí hành chính.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Giáo dục cán bộ, công chức về chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, ý thức tận tâm, tận tụy với công việc; xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức. Thực hiện Quy chế dân chủ trong cơ quan, nhất là trong các công việc có quan hệ trực tiếp với công dân, trong lĩnh vực tài chính, ngân sách; bảo đảm thực hiện kỷ cương của bộ máy, nâng cao trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật của đội ngũ cán bộ, công chức.

b) Về công chức cấp xã

- Tổng số cán bộ: 10 người, trình độ chuyên môn: đại học 09/10 đạt 90%, cao đẳng 01/09 chiếm 10%.

- Tổng số công chức: 08 người, trình độ chuyên môn: đại học 08/08 đạt 100%. Nhìn chung, trình độ, năng lực, trách nhiệm, phong cách, thái độ của công chức đã có những cải thiện nhất định trong thời gian vừa qua. Chất lượng thực thi công vụ của đội ngũ công chức cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch luân chuyển và chuyển đổi vị trí công tác, thực hiện nghiêm túc Quy định về chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ tiếp tục được quán triệt, thực hiện nghiêm túc, coi đây là một trong những biện pháp để phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực của công chức, viên chức chuyên môn khi tiếp xúc, tham mưu giải quyết công việc đối với một số lĩnh vực công tác.

- Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo số lượng, cơ cấu hợp lý, có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra công vụ, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan nhà nước. Thông qua đó, đã góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người đứng đầu các cơ quan nhà nước trong thực thi công vụ.

4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Chất lượng một bộ phận cán bộ, công chức chưa đồng đều. Hiệu quả giải quyết công việc có đôi khi còn chậm. Giờ giấc hành chính có đôi lúc chưa đảm bảo.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách, cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trong tỉnh.

Cấp xã chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính theo hình thức phân bổ không tự chủ.

Hàng năm, UBND phường ra Quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách phường Phổ Hòa. Trong quá trình thực hiện thu chi thực hiện đúng Luật ngân sách Nhà nước.

Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:

Hàng năm, UBND phường ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Ủy ban nhân dân phường Phổ Hòa; Ban hành Quyết định Công khai Dự toán ngân sách phường. Thực hiện cân đối nguồn kinh phí tiết kiệm, hiệu quả. Đảm bảo nguồn kinh phí cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực cho địa phương để phát triển kinh tế xã hội, văn hóa, thể dục thể thao của phường nhà..... Hạn chế tối đa việc tổ chức nhiều cuộc họp riêng lẻ, lồng ghép các cuộc họp có chung thành phần, nội dung đơn giản để tiết kiệm chi phí tổ chức họp.

b) Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa.

UBND phường thực hiện cung ứng dịch vụ công qua Kho bạc Nhà nước. Việc tăng cường giao dịch điện tử trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước tạo điều kiện giúp địa phương sử dụng ngân sách tiết kiệm được thời gian, chi phí đi lại đồng thời, góp phần rút ngắn thời gian kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách. Thời gian xử lý kết quả hồ sơ, từ gửi hồ sơ, tiếp nhận, xử lý và trả kết quả đều thực hiện tự động. Đơn vị sử dụng ngân sách có thể chủ động tra cứu kết quả trên hệ thống 24/7. Chủ tài khoản, kế toán có thể tải ứng dụng tra cứu số dư tại kho bạc trên điện thoại di động, thuận tiện theo dõi, sử dụng kinh phí.

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Cấp xã không thực hiện cơ chế tự chủ về biên chế và phân bổ ngân sách theo Nghị định 130/2005. Thực hiện chủ trương xã hội hóa trên các lĩnh vực y tế, văn hóa, thể thao còn chậm.

6. Về Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

6.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh: Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử; Cổng dịch vụ công; kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm của tỉnh.

Hằng năm, UBND phường ban hành các Kế hoạch đầu tư ứng dụng CNTT trong phát triển chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số, chuyển đổi số.

Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật: đã cài đặt hệ thống bảo mật trên máy vi tính đạt 100%; nâng cấp 02 máy tính có tính năng ít hiệu quả.

Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ: áp dụng vào việc giải quyết TTHC hàng ngày đạt kết quả cao: Thực hiện tốt chữ ký số trên phần mềm ioffice đạt 100% văn bản ban hành; chuyển tải văn bản trên hệ thống truyền tải đến các tài khoản của cán bộ, công chức nhờ đó đã tiết kiệm hiệu quả được ngân sách nhà nước.

b) Kết quả tổ chức thực hiện

- Về phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Hiện tại UBND phường đã bố trí có 23 máy vi tính tại Bộ phận Một cửa và các phòng làm việc. Tất cả đều được kết nối mạng Internet để phục vụ nhu cầu công việc và giải quyết thủ tục hành chính cho nhân dân. Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường, Công chức Văn phòng – Thống kê, Tư pháp – Hộ tịch phường đều có tài khoản dịch vụ công Quốc gia để thực hiện nhiệm vụ báo cáo công tác KSTTHC và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. Tất cả cán bộ, công chức chuyên môn đều có tài khoản và sử dụng thành thạo phần mềm Office.

Kết quả thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của UBND phường trong năm cụ thể như sau: (số liệu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 6/12/2024): Tổng số văn bản đến trên 7.500 văn bản (100% văn bản điện tử); Tổng số văn bản đi trên khoản 5000 văn bản; Tổng số văn bản đi ký số khoản 4.232 (Đạt 85%).

Thường xuyên cập nhật đúng thời gian, số liệu trên hệ thống báo cáo cấp tỉnh, Chính phủ. Trang thông tin điện tử của phường thường xuyên thông tin tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, cung cấp thông tin về công tác chỉ đạo điều hành, thông tin kinh tế, xã hội của thị xã, phường. Tổng số lượt truy cập trang thông tin điện tử của phường từ khi đi vào hoạt động tính đến nay đạt gần 864.325 lượt xem. Từ khi đi vào hoạt động Trang thông tin điện tử phường đến nay có 8.245 bài viết được đăng trên Trang TTĐT của địa phương.

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Việc triển khai số hóa hồ sơ, dịch vụ công trực tuyến hiệu quả chưa cao do đa số người dân là lao động nông thôn, trình độ dân trí còn thấp.

Hạ tầng công nghệ thông tin chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa được đồng bộ giữa cấp, ngành, gây khó khăn cho việc kết nối, tích hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ thông tin; hạn chế đến tính liên thông trong xử lý các công việc hành chính trên cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Những kết quả tích cực đã đạt được

Công tác CCHC được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Đảng ủy, của HĐND phường, sự nỗ lực phấn đấu của các ban ngành liên quan, sự tận tụy với công việc của công chức chuyên môn đã góp phần đẩy mạnh công tác CCHC tại địa phương. Tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn phường tiếp tục được kiện toàn và thực hiện đồng bộ; công tác xây dựng, ban hành, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thực hiện đúng quy định; đội ngũ cán bộ, công chức được chuẩn hóa trình độ chuyên môn, năng lực thi hành nhiệm vụ được nâng cao; việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả và tiết kiệm; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành được chú trọng; đội ngũ cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận TN&TKQ được củng cố, kiện toàn đáp ứng được yêu cầu công việc, nhiệm vụ được giao; công tác giải quyết TTHC được thực hiện theo qui trình, công khai, minh bạch, giảm phiền hà, rắc rối cho người dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Công tác đào tạo cán bộ, công chức được chú trọng thực hiện, từ đó trình độ, năng lực chuyên môn của cán bộ, công chức ngày một nâng lên. Thủ tục hành chính thường xuyên được rà soát; công tác niêm yết các bộ thủ tục kịp thời; các phương thức tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC thực hiện đúng quy định. Việc áp dụng CNTT, phần mềm vào ứng dụng công việc tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức trong việc giải quyết công việc nhanh, đảm bảo thời gian, tiết kiệm ngân sách.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Công tác tuyên truyền về công tác chuyển đổi số từng lúc từng nơi chưa sâu rộng; hình thức tuyên truyền chưa phong phú, đa dạng. Người dân đa số lớn tuổi ở tại địa phương nên việc sử dụng điện thoại thông minh còn hạn chế.

Một số ít người dân không lập được tài khoản dịch vụ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, do dùng số điện thoại không chính chủ; khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của hầu hết người dân còn hạn chế.

Phần mềm một cửa đôi lúc bị lỗi do đường truyền không ổn định; việc cấu hình thời hạn giải quyết một số thủ tục trên phần mềm chưa đảm bảo; nhiệm vụ của công chức phát sinh ngày càng nhiều.

3. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính

Tăng cường vai trò lãnh đạo, điều hành của cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác cải cách hành chính; xác định rõ trách nhiệm của từng cán bộ, công chức nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong tổ chức thực hiện vụ cải cách hành chính; coi cải cách hành chính thật sự là một khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội và là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của tất cả các cơ quan trong hệ thống chính trị; kết quả thực hiện cải cách hành chính phải là tiêu chí quan trọng để đánh giá, phân loại và bình xét thi đua khen thưởng người đứng đầu địa phương.

Bảo đảm sự nhất quán, kiên trì, quyết tâm, quyết liệt, liên tục trong triển khai cải cách hành chính với các mục tiêu, giải pháp cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Thường xuyên tổ chức đối thoại trực tiếp với nhân dân, doanh nghiệp; khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về sự phục vụ của các cơ quan nhà nước để khắc phục ngay những hạn chế, thiếu sót trong công tác cải cách hành chính.

Nâng cao năng lực, kỹ năng làm việc, tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức. Xử lý kiên quyết, kịp thời, nghiêm minh cán bộ, công chức vi phạm pháp luật; chấn chỉnh, phê bình cá nhân, tổ chức chưa làm tốt, hiệu quả thấp.

Chú trọng thực hiện một cách thực chất, đồng bộ, đầy đủ các nội dung trong công tác thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; tập trung xây dựng và hoàn thiện theo thẩm quyền hệ thống thể chế nhằm triển khai đồng bộ, thống nhất các nhiệm vụ cải cách hành chính được tại địa phương đảm bảo phát huy tính hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá quá trình triển khai thực hiện cải cách hành chính; phát huy tốt vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân nhằm tạo sự chuyển biến thực sự và rõ nét trong thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 và hoàn thành các nhiệm vụ cải cách hành chính trong giai đoạn 2020-2030, UBND phường Phổ Hòa đề xuất tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu như sau:

1. Tăng cường vai trò lãnh đạo, điều hành của Đảng ủy, chính quyền đối với công tác cải cách hành chính; xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá trong triển khai thực hiện. Coi trọng công tác sáng kiến về cải cách hành chính để đánh giá, rút ra những vấn đề cần xử lý tiếp và nhân rộng nếu thấy phù hợp. Chú trọng biểu dương những tập thể, cá nhân thực hiện tốt và xử lý nghiêm các cá nhân, đơn vị vi phạm. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với công tác cải cách hành chính.

2. Tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL, khắc phục tính cục bộ trong việc chuẩn bị, soạn thảo các văn bản; đề cao trách nhiệm của từng ban, ngành trong quá trình xây dựng văn bản, phát huy dân chủ, huy động trí tuệ của nhân dân để nâng cao chất lượng văn bản QPPL, bảo đảm các văn bản QPPL do UBND phường ban hành nhanh chóng đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả kịp thời trong quản lý nhà nước. Chú trọng công tác rà soát các văn bản QPPL do tỉnh, thị xã ban hành nhằm sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo

thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp.

3. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, giám sát cấp dưới trong việc thực thi nhiệm vụ, công vụ, nhất là trong việc giải quyết công việc của người dân, tổ chức và doanh nghiệp; hạn chế tối đa hồ sơ trễ hẹn, nghiêm túc xin lỗi người dân, tổ chức và doanh nghiệp khi để xảy ra trễ hẹn. Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để đẩy mạnh, phổ biến phương thức giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Thực hiện tốt việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

4. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo đáp ứng yêu cầu của tỉnh, thị xã và đảm bảo thực hiện nghiêm việc sắp xếp, tinh giản biên chế sau sáp nhập.

5. Tập trung nâng cao chất lượng, năng lực cho cán bộ, công chức. Hoàn thiện các quy định về công tác cán bộ và chính sách cán bộ. Đổi mới mạnh mẽ công tác đánh giá cán bộ theo kết quả công việc; bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, nhằm thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; thực hiện nghiêm các quy định trình tự, thủ tục và tiêu chuẩn chức danh khi bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ; định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ chuyên môn theo quy định. Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng; hoàn thành việc bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 18/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành. Tập trung triển khai kiến trúc Chính quyền điện tử theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng 4.0. Xây dựng, sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm quản lý thống nhất, đồng bộ và kết nối thông suốt giữa Trung ương đến địa phương. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý đảm bảo kết nối và chia sẻ dữ liệu, thông tin chỉ đạo, điều hành từ UBND tỉnh, thị xã, phường. Thực hiện nâng cấp và sử dụng hiệu quả hệ thống họp trực tuyến, họp không giấy. Nâng cao số lượng, chất lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia. Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ thuộc “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Duy trì áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, góp phần đổi mới phương pháp, lề lối làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc.

7. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các tiêu chí đánh giá cải cách hành chính, bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan và công bằng kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại địa phương. Tổ chức triển khai công tác chấm điểm vào thời điểm ngay khi kết thúc năm công tác để đánh giá kết quả thực

hiện kịp thời đề ra các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế trong triển khai công tác cải cách hành chính.

Phần thứ ba **NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Tổ chức tập huấn về quy định, quy trình nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các cấp cho công dân.

2. Cần đầu tư các điều kiện thiết yếu cho CCHC như cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhằm hiện đại hóa công sở, nâng cao chất lượng dịch vụ công để phục vụ tốt hơn cho các tổ chức, cá nhân khi đến giao dịch.

3. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, các kỹ năng giải quyết công việc cho đội ngũ cán bộ, công chức là nhiệm vụ cải cách hành chính. Ban hành các chính sách, chế độ cho đội ngũ làm công tác CCHC.

Trên đây là báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 của UBND Phường Phổ Hòa./.

Nơi nhận:

- UBND thị xã Đức Phổ;
- Phòng Nội vụ;
- TT. Đảng ủy, HĐND phường (B/cáo);
- Chủ tịch, PCT UBND phường;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Trí

Thông kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương					
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Số lượng văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (kết luận, chỉ thị công văn chỉ đạo, quán triệt)						
1.1	Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, Thông báo của Ban Cán sự/Đảng ủy	2	2	2	2	2	2
1.2	Quyết định, Chỉ thị, Kết luận, công văn chỉ đạo, quán triệt	10	10	10	10	10	10
2	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm						
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	34	31	41	35	34	8
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn hành	34	31	41	35	8	8
3	Kiểm tra CCHC						
3.1	Số đơn vị kiểm tra	0	0	1	0	0	0
3.2	Tỷ lệ xử lý vấn đề qua kiểm tra	0	0	90%	0	0	0
3.2.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	0	0	7	0	0	0
3.2.2	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	0	0	7	0	0	0
4	Tuyên truyền CCHC						
4.1	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC (Có tổ chức = 1; Không tổ chức = 0)	0	0	0	0	0	0
4.2	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC trên đài PT-TH tỉnh	12	12	12	12	3	3
04.3	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC	3	3	3	3	0	0
4.4	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Cổng TTĐT của tỉnh (Có xây dựng = 1; Không xây dựng = 0)	1	1	1	1	1	1
4.5	Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có).	0	0	0	0	0	0
5	Số lượng mô hình, sáng kiến CCHC được triển khai áp dụng		1		1		
6	Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá CCHC các cơ						

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương					
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2025 (tính đến 31/3)
	quan, đơn vị						
6.1	Bộ tiêu chí đánh giá sở, ngành						
6.2	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp huyện						
6.3	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp xã	1	1	1	1	1	1
6.4	Bộ tiêu chí đánh giá cơ quan ngành dọc tại địa phương						
7	Khảo sát sự hài lòng của người dân						
7.1	Số lượng phiếu khảo sát	96	305	233	196	25	25
7.2	Hình thức khảo sát	Trực tiếp bằng văn bản	Trực tiếp bằng văn bản	Trực tiếp bằng văn bản	Trực tiếp bằng văn bản	Trực tiếp bằng văn bản	Trực tiếp bằng văn bản
7.3	Mức độ hài lòng chung	96	305	233	196	25	25
8	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, doanh nghiệp	2	2	2	2	2	1
9	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao						
9.1	Tổng số nhiệm vụ được giao						
9.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn						
9.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn						
9.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành						

Phụ lục 2
Thống kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thể chế của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí		Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến 31/3)
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành						
	Chia theo tên loại VBQPPL	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương					
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh					
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện					
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện					
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã					
		Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã					
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL						
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh						
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra						
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra						
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong						
3	Rà soát VBQPPL						
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh						
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát						
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát						
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong						
4	Số VBQPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền						

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (Tính đến 31/3)
5	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được xử lý					
6	Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật					

Phụ lục 4
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Thống kê TTHC					
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa					
1.2	Số TTHC công bố mới					
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế					
1.4	Tổng số TTHC của tỉnh					
1.4.1	<i>Số lượng TTHC cấp tỉnh</i>					
1.4.2	<i>Số lượng TTHC cấp huyện</i>					
1.4.3	<i>Số lượng TTHC cấp xã</i>					
2	Số lượng thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/ Trang Thông tin điện tử					
3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông					
3.1	Số lượng TTHC thực hiện được giải quyết tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp sở, ngành					
3.2	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện					
3.3	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã					
3.4	Số TTHC liên thông cùng cấp					
3.5	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền					
3.6	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính					
4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC					
4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp tỉnh giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)					
4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp huyện giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)					
4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)					
5	Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC					
5.1	Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong năm					

5.2	Số lượng PAKN đã giải quyết trong năm					
5.3	Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai kết quả trả lời trên Cổng TTĐT					
6	Số hóa hồ sơ					
6.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC					
6.2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa					
6.3	Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử					

Phụ lục 4
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

STT	Chỉ tiêu thống kê	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy					
1.1.	Tham mưu ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan					
1.2.	Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đáp ứng các tiêu chí theo quy định.					
1.3.	Ban hành thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện theo lĩnh vực, phạm vi quản lý					
1.4.	Số tổ chức liên ngành do bộ, cơ quan thành lập hoặc được giao chủ trì thực hiện.					
2	Số liệu về biên chế công chức					
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	10	10	10	10	10
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	8	8	8	8	8
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính thuộc và trực thuộc bộ, cơ quan					
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo					
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015					
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập					
3.1.	Tổng số người làm việc được giao					
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo					
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo					
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015					

Thống kê và so sánh số lượng tổ chức hành chính, sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
(Tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)

Tỉnh, thành phố	Giai đoạn	Số cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	Số Chi cục thuộc Sở	Số tổ chức cấp phòng thuộc sở (phòng, văn phòng, thanh tra thuộc Sở)	Số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp tỉnh	Ghi chú
	2011-2020 (Thời điểm 31/12/2020)					
	2021-2025 (Thời điểm 31/3/2025)					

Tỉnh, thành phố	Giai đoạn	Số UBND cấp huyện	Số CQCM thuộc UBND cấp huyện	Số văn phòng, thanh tra thuộc UBND cấp huyện	Số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	Ghi chú
	Giai đoạn 2011-2020 (Thời điểm 31/12/2020)					
	Giai đoạn 2021-2025 (Thời điểm 31/3/2025)					

[illegible]

Phụ lục 6
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách chế độ công vụ của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức					
1.1.	Ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý (theo quy định tại Nghị định 62/2020/NĐ-CP)					
1.2.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định					
1.3.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định					
1.4.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra					
2	Tuyển dụng công chức, viên chức					
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	0	0	0	2	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).					
2.3.	Số công chức được tuyển dụng theo nghị định số 140/2017/NĐ-CP và Nghị định số 179/2024/NĐ-CP)					
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển					
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).					
4.1.	Số lãnh đạo cấp bộ bị kỷ luật.					
4.2.	Số lãnh đạo cấp vụ, cục, tổng cục thuộc bộ bị kỷ luật.					
4.3.	Số lãnh đạo của các tổ chức bên trong các vụ, cục, tổng cục thuộc bộ, cơ quan bị kỷ luật.					
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSN bị kỷ luật.					

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
5	Số lượng viên chức được bồi dưỡng, tập huấn hằng năm					
6	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng	16	19	11	14	4